

BỘ CÔNG AN
Số: 17/2018/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 ngày 11 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đối tượng, loại, số lượng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được trang bị; thẩm quyền trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an; điều chuyển, điều động vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

- Tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan.
- Bảo đảm đúng thẩm quyền, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trang bị.
- Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trang bị phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác.

Chương II

TRANG BỊ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Mục 1

TRANG BỊ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ QUÂN DỤNG, CÔNG CỤ HỖ TRỢ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Đối tượng được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ bao gồm:

- a) Đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Công an;
- b) Trại giam, trại tạm giam;
- c) Học viện, trường Công an nhân dân; Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân làm công tác đào tạo, huấn luyện;
- d) Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh);
- đ) Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- e) Công an xã, phường, thị trấn.

2. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao, bao gồm:

- a) Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao Công an nhân dân;
- b) Học viện, trường Công an nhân dân;
- c) Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân có huấn luyện thi đấu thể thao.

3. Đối tượng quy định tại các điểm a, d và đ khoản 1 Điều này được trang bị vật liệu nổ quân dụng.

Điều 4. Loại, số lượng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ trang bị

1. Các đối tượng quy định tại Điều 3 Thông tư này căn cứ tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ công tác đề xuất cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định trang bị cụ thể loại, số lượng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, cụ thể:

- a) Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 3 Thông tư này được xem xét trang bị loại vũ khí, công cụ hỗ trợ thuộc các loại sau: súng ngắn, súng

trường, súng tiểu liên, súng trung liên, súng chống tăng, súng phóng lựu, súng đại liên, súng cối, súng ĐKZ, súng máy phòng không, tên lửa chống tăng cá nhân, trực thăng vũ trang, bom, mìn, lựu đạn, các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, đạn sử dụng cho các loại súng được trang bị;

b) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư này được xem xét trang bị loại vũ khí, công cụ hỗ trợ thuộc các loại sau: súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng bắn đạn cao su, hơi cay, dùi cui điện, bình xịt hơi cay, găng tay bắt dao, áo giáp, dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, khóa số tám, các loại vũ khí thô sơ;

c) Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này được trang bị các loại vũ khí thể thao;

d) Đối tượng quy định tại các điểm a, d và đ khoản 1 Điều 3 Thông tư này được trang bị vật liệu nổ quân dụng.

2. Công an các đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này lập dự trù số lượng, loại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cần trang bị gửi cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

Điều 5. Thẩm quyền trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho toàn lực lượng Công an nhân dân; quyết định trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho Công an các đơn vị, địa phương mới được thành lập.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an quyết định trang bị bổ sung vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho Công an các đơn vị, địa phương sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Giám đốc Công an cấp tỉnh) căn cứ loại, số lượng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đã được trang bị để quyết định trang bị cụ thể loại, số lượng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho Công an các đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý.

4. Trường hợp Công an cấp tỉnh khi có nhu cầu trang bị bổ sung vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ bằng nguồn kinh phí của địa phương thì Giám đốc Công an cấp tỉnh phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

Điều 6. Điều chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Điều chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là việc thu lại vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của Công an các đơn vị, địa phương đã được trang bị để bổ sung cho Công an các đơn vị, địa phương khác.

2. Thẩm quyền điều chuyển

a) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định điều chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ từ Công an đơn vị, địa phương này sang Công an đơn vị, địa phương khác trên phạm vi toàn quốc khi xảy ra tình trạng khẩn cấp hoặc khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp hoặc khi có tình huống đột xuất khác như thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm, lụt, bão hoặc phục vụ yêu cầu công tác, chiến đấu theo đề nghị của cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an;

b) Thủ trưởng cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an quyết định điều chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản này từ Công an đơn vị, địa phương này sang Công an đơn vị, địa phương khác sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Công an;

c) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định điều chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Sau khi có quyết định điều chuyển của cấp có thẩm quyền, Công an các đơn vị, địa phương phải lập biên bản bàn giao, trong đó ghi rõ chủng loại, số lượng, chất lượng, số hiệu, nước sản xuất, thiết bị, phụ tùng kèm theo của vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được điều chuyển. Biên bản phải có chữ ký của cán bộ trực tiếp giao, nhận và xác nhận của lãnh đạo đơn vị các bên có liên quan.

4. Công an các đơn vị, địa phương sau khi tiếp nhận vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ theo quyết định điều chuyển phải có văn bản đề nghị cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng, giấy xác nhận đăng ký theo quy định.

Điều 7. Điều động vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1. Điều động vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ là việc chuyển tạm thời vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của Công an đơn vị, địa phương này sang Công an đơn vị, địa phương khác trong một thời gian nhất định. Khi thực hiện xong nhiệm vụ sẽ chuyển trả về Công an đơn vị, địa phương trước đó đã điều động.

2. Thẩm quyền điều động

a) Bộ trưởng Bộ Công an quyết định điều động vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ từ Bộ Công an sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài ngành Công an;

b) Thủ trưởng cơ quan quản lý về trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an quyết định điều động vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ từ Công an đơn vị, địa phương này sang Công an đơn vị, địa phương khác sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Công an;

c) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định điều động vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Sau khi có quyết định điều động của cấp có thẩm quyền, Công an các đơn vị, địa phương phải lập biên bản bàn giao, trong đó ghi rõ loại, số lượng, chất lượng, số hiệu, nước sản xuất, thiết bị, phụ tùng kèm theo của vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ được điều động. Biên bản phải có chữ ký của cán bộ trực tiếp giao, nhận và xác nhận của lãnh đạo đơn vị các bên có liên quan.

Mục 2

TRANG BỊ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ CHO ĐỐI TƯỢNG KHÁC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN

Điều 8. Đối tượng, loại vũ khí trang bị

1. Cơ yếu thuộc Bộ Ngoại giao, Cơ yếu trong cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước ở trung ương và địa phương được trang bị: súng ngắn, đạn sử dụng cho loại súng này và các loại vũ khí thô sơ.